

LÝ NHÂN QUẢ

Nàrada Mahà Thera
Phạm Kim Khánh dịch

(Trích "Đức Phật và Phật Pháp", Chương 18-21)

-II-
(tiếp theo)

3. Sự báo ứng của Nghiệp

"Chính Nghiệp dẫn dắt thế gian này"
-- Athasalini

Sự báo ứng của Nghiệp là một tiến trình vô cùng phức tạp mà chỉ có Đức Phật mới có thể am tường thấu đáo. Để nhận thức phần nào vấn đề khó khăn ấy, ta cần phải biết lịch trình tiến triển của dòng tư tưởng (citta vithi).

Tâm, hay thức, phần tinh túy của cái được gọi là chúng sanh, đóng vai trò tối quan trọng trong guồng máy phức tạp của con người. Chính tâm làm cho ta trong sạch, cũng chính tâm làm cho ta ô nhiễm. Trong thực tế, tâm là người thù nguy hiểm nhất mà cũng là người bạn chí thân của con người.

Khi ngủ say, không chiêm bao mộng mị, tâm của ta ở trong một trạng thái ít nhiều tiêu cực, tương tự như trạng thái tâm của người vừa chết, hay lúc được thọ thai. Danh từ Phật Giáo gọi loại tâm ấy là **Bhavanga**, hay yếu tố của đời sống. Bhavanga cũng có nghĩa là nguyên do tối cần, hay điều kiện tối cần để tồn tại. Phát sanh và hoại diệt từng khoảnh khắc, luồng Bhavanga trôi chảy như một dòng suối, luôn luôn biến đổi, không khi nào giống hệt nhau trong hai chập tư tưởng kế tiếp.

Không phải chỉ lúc ngủ mê không nằm mộng ta mới có loại tâm Bhavanga, mà lúc thức cũng có. Trong đời sống, ta có loại tâm ấy nhiều hơn tất cả những loại tâm khác. Do đó Bhavanga là điều kiện tối cần thiết cho đời sống.

Có vài học giả cho rằng Bhavanga đồng nghĩa với tiềm thức. Theo Tự Điển Triết Học [1], tiềm thức là một ngăn trong tâm mà vài tâm lý gia và triết gia cho rằng ngăn ấy nằm cạnh phía dưới ngưỡng cửa của thức.

Theo các triết gia tây phương, tiềm thức và thức cùng tồn tại trong cùng một lúc [2]. Nhưng theo Phật Giáo, hai loại tâm không thể tồn tại trong cùng một lúc.

Bhavanga không phải là một "hạ tầng cảnh giới" cũng không như "tâm cao thượng" của F.W. Myer. Hình như trong tất cả nền triết học Âu Tây, không có khoảng nào đề cập đến cái gì như Bhavanga.

Bhavanga là yếu tố chánh yếu duy trì cuộc sống. Danh từ gần Bhavanga nhất có lẽ là "Liên Tục Sinh Tồn", có nơi gọi là "**Luồng Hộ Kiếp**", vì nó là điều kiện tất yếu cho kiếp sống sinh

tôn.

Nếu không bị ngoại cảnh xâm nhập, như lúc ngủ say không mộng mị, thì những chấp tư tưởng Bhavanga liên tục nối tiếp như dòng nước. Khi có một đối tượng xuất hiện - vật chất hay tinh thần - thì dù như một hình sắc, thì luồng Bhavanga rung động trong hai chấp tư tưởng, rồi tắt. Lúc luồng Bhavanga vừa tắt thì "ngũ môn hướng tâm" hay "ngũ khai môn" (pancadvaravajjana) phát sanh và hoại diệt. Tác động của tâm này là hướng về đối tượng, trong trường hợp này đối tượng là hình sắc. Tức thì, nhãn thức (cakkhu-vinnana) thấy đối tượng, nhưng chưa biết gì. Kế đó là "tiếp thọ tâm", hay "tâm tiếp thụ" (sampaticchana). Tiếp theo là "suy đặc tâm" (santirana) quan sát, dò xét đối tượng. Rồi "xác định tâm" (votthapana) phân biệt, lựa chọn, thu nhận hay loại bỏ. Đến đây là vai trò của tự do ý trí. Do nơi chấp tư tưởng quyết định, phát sanh tiến trình Javana, một giai đoạn tối quan trọng, vì chính ở giai đoạn này hành động thiện hay bất thiện biểu hiện. Chính Nghiệp được tạo nên trong giai đoạn này.

Nếu quyết định chánh đáng (yoniso manasikara) thì tạo thiện nghiệp. Nếu quyết định sai lầm (ayoniso manasikara) thì tạo bất thiện nghiệp. Mặc dầu đối tượng có đáng được ưa thích hay không, ta vẫn có thể tạo một tiến trình Javana thiện hay bất thiện theo ý muốn. Thí dụ như khi gặp người thù nghịch, tức nhiên là sự giận dữ phát sanh ngoài ý muốn của ta. Nhưng bậc thiện trí thức có thể chế ngự tâm mình, thay vì nổi giận, rải tâm Từ đến người ấy. Vì lý do đó mà Đức Phật dạy:

"Làm ác do ta.

Làm cho ta như bản do nơi ta.

Không làm ác do ta.

Làm cho ta trong sạch cũng do nơi ta.

Cả hai, như bản và trong sạch, chỉ tùy thuộc nơi ta.

Không ai khác có thể làm cho ta trong sạch. [3]"

Dĩ nhiên là trong đời sống, tư tưởng của ta bị rất nhiều yếu tố bên ngoài chi phối như giới thân cận, tập tục, lễ nghi v.v... Trong những trường hợp ấy thì tự do ý trí cũng bị lũng đoạn. Tuy nhiên, dầu ở trường hợp khó khăn nào, ta cũng có đủ khả năng dùng tự do ý chí vượt qua các áp lực bên ngoài và tạo những tư tưởng thiện hay bất thiện. Một người thân cận có thể là yếu tố có nhiều ảnh hưởng, nhưng chính ta phải chịu trách nhiệm về tất cả các hành động của ta và chỉ có hành động của ta mới theo sát ta như bóng với hình.

Javana là một Phạn ngữ rất khó chuyển dịch ra ngôn ngữ khác. Vài học giả dịch là "trực cảm". Danh từ "**xung lực**" đôi khi cũng được dùng. Trong quyển sách này, Phạn ngữ Javana được giữ nguyên vẹn.

Theo đúng nguyên căn, Javana có nghĩa là chạy, bởi vì trong tiến trình tâm, mỗi loại thường phát sanh trong một, hai, hay ba chấp tư tưởng, chỉ có tâm Javana phát sanh liên tiếp trong bảy chấp lúc bình thường và năm chấp khi lâm chung, và tất cả bảy chấp đều cùng chung một đối tượng. Những tâm sở phát sanh trong bảy chấp tư tưởng ấy đều giống hệt nhau, nhưng năng lực thì không đồng đều, có chấp mạnh có chấp yếu hơn.

Tiến trình tâm (citta vithi), hay lộ trình tiến triển của một tư tưởng, một thời gain cực nhỏ, chấm dứt bằng "đăng ký tâm" hay "tâm ghi nhận" (tadalambana) trong hai chấp. Như vậy, trọn lộ trình tư tưởng có tất cả mười bảy chấp.

Kinh sách thường diễn tả lịch trình tiến triển của tâm như sau:

"Người kia nằm dưới gốc cây xoài, lấy khăn trùm đầu lại, ngủ mê. Một ngọn gió thổi qua làm rung động nhánh cây và một trái xoài rụng xuống cạnh bên đầu anh chàng đang ngủ. Anh tung khăn ra và hướng tâm mắt về phía có tiếng động. Thấy một vật, anh cảm lên, quan sát và nhận

ra đó là một trái xoài. Anh há miệng cắn, và nuốt cùng với nước miếng. Xong, nằm xuống ngủ lại."

Trong câu truyện, giấc ngủ say là luồng Bhavanga yên tĩnh trôi chảy. Ngọn gió thoảng qua cây xoài là tâm "Bhavanga vừa qua" (atiti Bhavanga). Nhánh cây rung động là tâm "Bhavanga rung động" (Bhavanga calana). Trái xoài rụng là tâm "Bhavanga dứt vòng" (Bhavanga upaccheda). Hướng về đối tượng là "ngũ môn tâm hướng" (pancadvaravajjana). Thấy đối tượng mà chưa biết gì là "ngũ quan thức" (panca vinnana), trong trường hợp này là nhãn thức. Nhặt lên là "tiếp thọ". Quan sát là "suy đặc tâm". Nhận định rằng đó là một trái xoài là "xác định tâm". Chính sự thưởng thức trái xoài là tiến trình Javana (7 chập), và sự nuốt miếng xoài, là "đăng ký tâm". Khi ăn xong trái xoài người kia nằm ngủ lại, là khi trải qua trọn lộ trình thì tâm trở lại trạng thái Bhavanga.

Tóm lại mỗi lộ trình tư tưởng chia làm 17 chập: 3 chập Bhavanga, 1 ngũ môn hướng tâm, 1 ngũ quan thức, 1 tiếp thọ tâm, 1 suy đặc tâm, 1 xác định tâm, 7 chập Javana và 2 chập đăng ký, như sau:

Chập tâm	Lộ Trình Tiến Triển Của Một Tư Tưởng
1	Atita Bhavanga (Bhavanga vừa qua)
2	Bhavanga Calana (Bhavanga rung động)
3	Bhavanga Upaccheda (Bhavanga dứt vòng)
4	Pancadvaravajjana (Ngũ môn hướng tâm)
5	Panca Vinnana (Ngũ quan thức)
6	Sampaticchana (Tiếp thọ tâm)
7	Santirana (Suy đặc tâm)
8	Votthapana (Xác định tâm)
9	Javana (Xung lực)
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	Tadalambana
17	(Đăng ký tâm)

Trong 7 chập tư tưởng của tiến trình Javana, chập đầu có năng lực tạo Nghiệp yếu nhất nên trở quả trong kiếp hiện tại, gọi là "Hiện Nghiệp" (dittha dhamma vedaniya kamma, nghiệp có hiệu năng tức khắc trong hiện tại). Nếu không trở sanh trong kiếp hiện tại thì quả ấy sẽ tiêu mất, gọi là quả không trở sanh, hay "Nghiệp Vô Hiệu Lực" (Ahoasi).

Chập tư tưởng yếu kể đó là chập thứ 7 của tiến trình Javana. Quả của chập này trở sanh trong kiếp sống kế liền sau kiếp hiện tại, gọi là "Hậu Nghiệp" (upapaja vedaniya kamma, nghiệp có

hiệu năng liền kế đó). Nghiệp này trở quá kế tiếp theo, cũng tự nhiên trở nên vô hiệu lực nếu không trở sanh trong kiếp kế liền đó.

Quả của 5 chấp tư tưởng còn lại, từ chấp 2 đến chấp 6 của tiến trình Javana, có thể trở sanh bất cứ lúc nào trong vòng luân hồi, từ kiếp kế kiếp hiện tại đến lúc hoàn toàn giải thoát, gọi là "Nghiệp Vô Hạn Định" (aparapariya vedaniya kamma, quả trở sanh trong thời gian vô hạn định).

A. Phân loại theo Thời gian

Như vậy, theo thời gian, Nghiệp có thể được phân loại như sau:

- 1.- Hiện Nghiệp (Dittha dhamma vedaniya kamma), quả trở sanh trong kiếp hiện tại.
- 2.- Hậu Nghiệp (Upapajja vedaniya kamma), quả trở sanh trong kiếp kế kiếp hiện tại.
- 3.- Nghiệp Vô Hạn Định (Aparāpariya vedaniya kamma), quả trở sanh không nhất định lúc nào trong thời gian chưa đắc Quả Niết Bàn.
- 4.- Nghiệp Vô Hiệu Lực (Ahosi Kamma).

Những câu chuyện thí dụ:

Hiện nghiệp

a) Quả lành trở sanh trong kiếp hiện tại.

Hai vợ chồng kia chỉ có một cái áo (choàng theo lối người Ấn). Khi chồng có việc đi đâu, mặc áo, thì vợ phải ở nhà. Nếu vợ đi thì chồng ở nhà. Một ngày kia, chồng đi nghe Đức Phật thuyết pháp, lấy làm thỏa thích, khởi sanh ý muốn dâng lên Đức Phật cái áo duy nhất ấy, nhưng lòng luyến ái cố hữu của con người trở dậy, và một cuộc tranh đấu diễn ra bên trong anh. Sau cùng, tâm bố thí chế ngự lòng luyến ái. Anh hết sức vui mừng, reo lên: "Ta đã chiến thắng, ta đã chiến thắng", và hành động đúng y sở nguyện, dâng cái áo lên Đức Phật.

Câu truyện lọt đến tai vua. Đức vua lấy làm hoan hỷ, truyền lệnh ban cho anh 32 bộ áo. Người chồng có tâm đạo nhiệt thành ấy lựa ra hai bộ, một bộ cho mình và một bộ cho vợ, còn lại bao nhiêu dâng hết lên Đức Phật. [4]

b) Quả dữ trở sanh kiếp hiện tại.

Một người thợ săn dắt bầy chó vào rừng kiếm thịt, thấy bên đàng một vị tỷ khuru đang đi khát thực. Hôm ấy anh đi cả buổi mà không săn được gì, người thợ săn lấy làm bực tức cho rằng vì gặp vị đạo sĩ giữa đàng, đó là điềm xấu nên xui xẻo. Lúc trở về lại gặp vị đạo sĩ ấy nữa, người thợ săn nổi giận xua chó cắn, mặc dù vị tỷ khuru kia hết lời năn ni van lơn. Không còn cách gì khác nữa, vị tỷ khuru bèn trèo lên cây để tránh bầy chó dữ. Người thợ săn chưa đã nu giận, chạy đến gốc cây, dương cung bắn lên, nhằm bàn chân vị tỷ khuru. Trong lúc sợ hãi mất bình tĩnh và vô cùng đau đớn, vị tỷ khuru đánh rơi cái y của mình xuống, chụp lên đầu và bao trùm lên mình thợ săn. Bầy chó dữ thấy một người đang lúng túng trong bộ y vàng ngỡ là nhà sư đã té xuống nên áp lại cắn xé chủ mình. [5]

Hậu Nghiệp: Quả trở sanh trong kiếp kế liền, sau kiếp hiện tại.

Có người làm công cho nhà triệu phú nọ, một người rằm, sau khi làm việc cực nhọc ngoài đồng, chiều về thấy cả nhà đều thọ bát quan ngày ấy. Mặc dầu chỉ còn có nửa ngày, anh liền xin thọ giới và nhịn đói buổi chiều. Bất hạnh thay, sang hôm sau anh qua đời. Nhờ tâm trong sạch nghiêm trì bát quan trai giới, anh tái sanh lên cõi trời.

Vua Ajatasattu (A Xa Thế), con Vua Bình Xa Vương (Bimbisara), liền sau khi chết, tái sanh vào cảnh khổ vì mang trọng tội giết cha.

Nghiệp Vô Hạn Định: Quả trở sanh bất cứ lúc nào, từ kiếp kế kiếp hiện tại đến lúc giải thoát hoàn toàn.

Không ai có thể lần thoát ra khỏi Nghiệp này. Chư Phật và chư vị A La Hán cũng không thể tránh khỏi quả dữ của những Nghiệp đã gieo trong thời dĩ vãng.

Đức A La Hán Moggallana (Mục Kiền Liên), trong một kiếp quá khứ xa xôi, đã nghe lời người vợ tàn ác âm mưu ám hại cha mẹ [6]. Do hành động sai lầm ấy, Ngài đã trải qua một thời gian lâu trong cảnh khổ và, trong kiếp cuối cùng, bị một bọn cướp giết chết.

Đức Phật bị vu oan là giết chết một nữ tu sĩ theo đạo lõa thể. Kinh sách chép rằng sở dĩ Đức Phật phải chịu tiếng oan như vậy là vì trong một tiền kiếp, Ngài đã thiếu lễ độ với một vị Độc Giác Phật.

Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) toan giết Đức Phật, lăn đá từ trên núi cao làm trầy chân Ngài. Kinh sách chép rằng vào một tiền kiếp xa xôi, Đức Phật đã lỡ tay giết người em khác mẹ trong một vụ tranh chấp tài sản.

B. Phân loại theo Tác động

Theo một lối phân loại khác, căn cứ trên tác động, Nghiệp chia làm bốn:

- 1.- Nghiệp Tái Tạo (Janaka Kamma)
- 2.- Nghiệp Trợ Duyên (Upatthambhaka Kamma)
- 3.- Nghiệp Bồ Đồng (Upapidaka Kamma)
- 4.- Nghiệp Tiêu Diệt (Upaghataka Kamma)

Theo Phật Giáo, chấp tư tưởng cuối cùng của đời sống thật quan trọng, vì trong giờ phút lâm chung, Nghiệp lành hay dữ có năng lực mạnh nhất tạo điều kiện cho sự tái sanh liên kế đó. Nghiệp ấy gọi là Nghiệp Tái Tạo (Janaka Kamma).

Cái chết của một chúng sanh chỉ là sự "sự gián đoạn tạm thời của một hiện tượng tạm thời". Mặc dầu thể xác hiện tại hoại diệt nhưng một hình thể khác sẽ phát sanh thích ứng tùy theo tư tưởng mạnh nhất trong giờ lâm chung, và hình thể sau này không hoàn toàn giống hình thể trước mà cũng không tuyệt đối khác. Thể xác tan rã, nhưng luồng Nghiệp lực vẫn tồn tại. Tiến trình tư tưởng cuối cùng ấy, gọi là "Nghiệp Tái Tạo", quyết định cảnh giới của kiếp sống tới.

Thông thường, tiến trình tư tưởng cuối cùng của một người tùy thuộc nơi phẩm hạnh của người ấy trong đời sống. Tuy nhiên, cũng có trường hợp đặc biệt mà ngoại cảnh tạo cơ hội thuận lợi hay bất lợi, làm cho một người tốt có thể có những tư tưởng xấu, hay người xấu có những tư tưởng tốt lúc thở hơi cuối cùng. Chính chấp tư tưởng cuối cùng ấy tạo điều kiện cho sự tái sanh trong kiếp kế. Trong trường hợp này phẩm hạnh của người kia trong đời sống không đem lại ảnh hưởng nào cho sự tái sanh. Nhưng, như vậy không có nghĩa là quả phải có của những hành động trong quá khứ đã tiêu tan mất. Quả ấy sẽ trở sanh đúng lúc và tương xứng với nhân đã gieo.

Những biến đổi bất ngờ trong lúc tái sanh giải thích vì sao có những đứa con hung dữ, xấu xa, trong một gia đình lương thiện và những người hiền lành đạo đức sanh trưởng trong một gia đình hư hèn tàn ác.

Nghiệp Tái Tạo cũng có thể bị Nghiệp quá khứ chen vào để trợ lực hay để làm suy nhược và ngăn trở. Những ảnh hưởng và duy trì gọi là "Nghiệp Trợ Duyên" (Upatthambhaka Kamma).

Những ảnh hưởng làm suy nhược và ngăn trở gọi là "Nghệp Bồ Đồng" (Upapadaka Kamma).

Theo định luật Nghiệp Báo, khả năng trở quả của Nghiệp Tái Tạo cũng có thể bị một Nghiệp quá khứ khác, nghịch chiều và mạnh hơn, hoàn toàn tiêu diệt một cách bất ngờ, cũng như một chướng ngại vật chặn đứng sức tiến của một làn tên bay đến là rơi mũi tên xuống đất. Ảnh hưởng phản nghịch ấy gọi là "Nghệp Tiêu Diệt" (Upaghataka Kamma). Nghiệp này mạnh hơn hai Nghiệp trên vì chẳng những gây trở ngại mà còn tiêu diệt hoàn toàn năng lực của một Nghiệp khác.

Trường hợp của Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) được sanh trưởng trong hoàng tộc. Nghiệp Trợ Duyên giúp Ngài trưởng thành trong hoàn cảnh tiện nghi, sung túc. Đến khi manh tâm chia rẽ Tăng Già, tạo Nghiệp Bồ Đồng, do Nghiệp này Ngài bị trục xuất ra khỏi Giáo Hội và phải chịu nhục nhã. Sau cùng, Nghiệp Tiêu Diệt dẫn ông vào khổ cảnh.

C. Phân loại theo Báo ứng

Căn cứ trên khả năng báo ứng (vipakadanavasena), Nghiệp có thể phân làm bốn loại:

- 1.- Trọng Nghiệp (Garuka Kamma),
- 2.- Cận Tử Nghiệp (Asanna Kamma),
- 3.- Thường Nghiệp (Acinna Kamma),
- 4.- Tích Trữ Nghiệp (Katatta Kamma).

Loại Nghiệp đầu tiên là "Trọng Nghiệp" (Garuka Kamma), có nghĩa là hành động trọng yếu, nghiêm trọng, một cái Nghiệp nặng, vì nó chắc chắn trở quả trong kiếp hiện tại hay kế tiếp, sau kiếp hiện tại. Nếu là một Trọng Nghiệp thuộc về loại "thiện" thì đó là kết quả của thiện (Jhana). Người đắc tứ Thiên Sắc Giới chẳng hạn thì hưởng quả vị của Thiên ấy ngay trong kiếp hiện tại hay trong kế tiếp.

Nếu là một Trọng Nghiệp thuộc về loại "bất thiện", thì đó là hậu quả của năm tội ác, Anantariya Kamma, Ngũ Nghịch Đại Tội, tức là: giết cha, giết mẹ, giết một vị A La Hán, gây thương tích cho Đức Phật, và gây chia rẽ Tăng Già.

Đức Phật có lưu ý hàng đệ tử rằng nếu không phạm tội giết cha thì Vua Ajatasattu (A Xà Thế) đã đắc quả Tu Đà Hườn rồi. Trong trường hợp này Trọng Nghiệp bất thiện được gây ra trước, và ngăn cản tiến bộ tinh thần về sau.

Nếu không có một Trọng Nghiệp làm điều kiện cho sự tái sanh trong kiếp kế liền đó, thì "Cận Tử Nghiệp"(Asanna Kamma) là nghiệp dắt dẫn đi thọ sanh. Cận Tử Nghiệp là hành vi cuối cùng, hay hành vi nào mà chấp tư tưởng cuối cùng nhớ đến trước khi lâm chung. Vì lẽ ấy, trong các xứ Phật Giáo thường có tập tục nhắc nhở người sắp lìa trần những hành vi tốt đẹp của họ trong đời sống, giúp đỡ, khuyến khích họ tạo một vài nghiệp lành ngay trước giờ lâm chung như đọc kinh, niệm Phật, bố thí v.v...

Đôi khi người xấu có thể chết một cách yên ổn và tái sanh vào cảnh giới hữu phúc nếu họ được may mắn hồi nhớ lại, hoặc làm một điều thiện trong giờ phút cuối cùng. Như vậy không có nghĩa là người ấy - đầu tái sanh trong nhân cảnh - tránh khỏi quả dữ của nhân ác đã gieo trong quá khứ.

Mặc khác, một người lành có thể thọ sanh trong cảnh khổ vì bất thiện lành trong giờ phút cuối cùng lại có một hành vi hay tư tưởng bất thiện. Trong trường hợp này cũng vậy, nhân lành đã gieo sẽ trở quả đúng lúc, nhưng vì có chấp tư tưởng bất thiện cuối cùng, người ấy phải chịu tái sanh trong cảnh khổ.

Loại nghiệp thứ ba là "Thường Nghiệp" (Acinna Kamma). Thường Nghiệp là hành động hằng ngày, những việc làm mà ta thường lập đi lập lại, hay thường nhắc nhở, nhớ đến, và ưa thích hơn hết. Những thói quen, lành hay dữ, dần dần trở thành bản chất và ít nhiều uốn nắn tâm tánh con người. Trong khi nhân rồi tâm thường duyên theo những tư tưởng, những hành vi quen thuộc một cách tự nhiên, lắm khi vô ý thức. Cùng một thể ấy, trong giờ phút lâm chung, trừ khi bị một ảnh hưởng nào mạnh hơn, ta thường nhớ lại những hành vi và tư tưởng quen thuộc. Như bác sĩ thì nhớ bệnh nhân, giáo sư thì nhớ cử tọa v.v...

Sau cùng là "Nghiệp Tích Trữ" (Katatta Kamma), bao gồm tất cả những trường hợp không có kể trong ba loại nghiệp trên. Những trường hợp nào không nằm trong ba loại nghiệp kể trên gom chung lại thành một loại: Nghiệp Tích Trữ. Nghiệp này giống như cái vốn dự trữ của một cá nhân.

D. Phân loại theo Cảnh giới

Lối phân loại cuối cùng căn cứ trên những cảnh giới mà quả có thể trở sanh. Theo lối này quả có thể chia làm bốn:

- 1.- Những hành động bất thiện (akusala) tạo quả trở sanh trong Dục Giới (kamaloka),
- 2.- Những hành động thiện (kusala), tạo quả tái sanh trong Dục Giới,
- 3.- Những hành động thiện, tạo quả tái sanh trong Sắc Giới (rupaloka), và
- 4.- Những hành động thiện, tạo quả tái sanh trong Vô Sắc Giới (arupaloka).

Những Hành Động Bất Thiện Tạo Quả Trở Sanh Trong Dục Giới

Có mười hành động bất thiện, tạo nghiệp dữ. Trong 10 hành động ấy,

- Ba biểu hiện bằng việc làm (thân nghiệp) là: sát sanh (panatipata), trộm cắp (adinnadana), và tà dâm (kamesu micchacara)

- Bốn biểu hiện bằng lời nói (khẩu nghiệp) là: nói dối (musavada), nói đâm thọc (pisunavaca), nói lời thô lỗ cộc cằn (pharusavaca), nói nhảm nhí vô ích (samphappalapa).

- Ba biểu hiện bằng tư tưởng (ý nghiệp) là: tham lam (abhiijja), sân hận (vyapada), và tà kiến (micchaditthi).

Sát sanh là cố ý giết chết một chúng sanh. Trong Phạm ngữ Panatipata, "pana" có nghĩa là đời sống tâm-vật-lý của một chúng sanh. Xem thường đời sống, tiêu diệt, cắt đứt, ngăn chặn sức tiến của năng lực một đời sống, không để nó tiếp tục trôi chảy là panatipata.

"Pana" có nghĩa là cái gì đó có hơi thở. Do đó tất cả những động vật - gồm cả loài thú - đều được xem là "pana". Cây cỏ không có phần tinh thần, tuy nhiên giới luật hàng xuất gia không cho các vị tu sĩ xâm phạm đến đời sống của cỏ cây. Giới này không áp dụng cho người cư sĩ.

Có năm chi tạo nghiệp sát sanh: 1.- Có một chúng sanh; 2.- Biết rằng đó là một chúng sanh; 3.- Ý muốn giết; 4.- Cố gắng để giết; 5.- Chính hành động giết chết.

Nghiệp bất thiện được gây nên do hành động sát sanh nặng hay nhẹ tùy tánh cách quan trọng của chúng sanh bị giết, lành hay dữ, lớn hay nhỏ v.v... Giết một bậc vĩ nhân hiền đức hay một con thú to lớn tạo nghiệp nặng hay là giết một tên sát nhân hung dữ hay một sinh vật bé nhỏ, vì sự cố gắng để thực hiện hành động sát sanh và tai hại gây ra quan trọng hơn. Quả dữ của nghiệp sát sanh là mạng yếu, bệnh hoạn, buồn rầu, đau khổ vì nạn chia ly và lo sợ.

Có năm chi tạo nghiệp trộm cắp: 1.- Có một vật thuộc sở hữu của người khác; 2.- Biết như vậy; 3.- Có ý muốn đoạt vật ấy làm sở hữu của mình; 4.- Cố gắng trộm cắp; 5.- Chính hành

động trộm cắp. Quả đương nhiên của nghiệp trộm cắp là nghèo nàn, khổ khổ, thất vọng và làm thân nô lệ.

Có bốn chi tạo nghiệp tà dâm là: 1.- Ý nghĩ muốn thỏa mãn nhục dục; 2.- Cố gắng tiếp theo; 3.-Tìm phương tiện để đạt mục tiêu; 4.- Chính hành động tà dâm. Quả đương nhiên của nghiệp tà dâm là có nhiều kẻ thù, đời sống gia đình (giữa vợ và chồng) không có hạnh phúc, tái sanh làm đàn bà hay người bán nam bán nữ.

Có bốn chi tạo nghiệp nói dối: 1.- Có sự giả dối (không chân thật) trong lời nói; 2.- Ý muốn làm người khác hiểu sai sự thật; 3.- Thốt ra lời; 4.- Tạo sự hiểu biết sai lạc cho người khác. Quả đương nhiên của nghiệp nói dối là bị mắng chửi nhục mạ, tánh tình đê tiện, không ai tin nhiệm và miệng thú.

Có bốn chi tạo nghiệp nói đâm thọc: 1.- Có những người sẽ là nạn nhân của sự chia rẽ; 2.- Ý muốn phân ly những người ấy hay muốn lấy lòng một người; 3.- Cố gắng thực hiện tình trạng phân ly; 4.- Thốt ra lời nói đâm thọc. Quả của nghiệp nói đâm thọc là bị chia rẽ với bạn bè.

Có ba chi để tạo nghiệp nói thô lỗ: 1.- Một người khác; 2.- Tư tưởng sân hận; 3.- Thốt ra lời thô lỗ. Quả của nghiệp nói thô lỗ là không làm gì ai cũng bị ghét, tiếng nói khàn khàn.

Có hai chi tạo nghiệp nói nhảm: 1.-Ý muốn nói chuyện nhảm nhí; 2.- Thốt ra lời nói nhảm. Quả của nghiệp nói nhảm là thân thể không nở nang đều (có một bộ phận nào trong mình yếu kém), lời nói không rõ ràng minh bạch làm cho người ta không tin.

Có hai chi tạo nghiệp tham lam: 1.- Vật sở hữu của người khác; 2.- Tâm thèm muốn, ước mong được làm chủ vật ấy. Quả của nghiệp tham lam là không được mãn nguyện.

Có hai chi để tạo nghiệp sân hận: 1.- Một người khác; 2.- Tư tưởng muốn tạo phiền não cho người đó. Quả của nghiệp sân hận là thân hình xấu xa, nhiều bệnh hoạn và bầm tách khó thương.

Tà kiến là thấy sự vật không đúng, hiểu biết sai lầm, tin rằng không có quả báo.

Có hai chi để tạo nghiệp tà kiến: 1.- Nhìn sự vật một cách sai lầm; 2.- Khư khư cố chấp quan niệm sai lầm ấy. Hậu quả đương nhiên của tà kiến là: ham muốn thấp hèn, thiếu trí tuệ, kém thông minh, bệnh hoạn kinh niên và có những tư tưởng đáng chê trách.

Theo Phật Giáo có 10 loại tà kiến:

- 1.- Tin rằng không có gì gọi là "đề bát"(dinnam). Câu này hàm ý là đề bát chư Tăng không đem lại lợi ích gì.
- 2.- Tin rằng không có gì là "cúng đường"(ittham), hay
- 3.- "đăng tặng"(hutam). Nơi đây cũng vậy hai câu này có nghĩa là đề bát cúng đường Đức Phật và chư Tăng, bố thí vật thực và dâng tặng vật dụng đến những người cần món ấy không đem lại lợi ích gì.
- 4.- Tin rằng không có nhân quả. Hành động thiện hay bất thiện đều không gây hậu quả nào.
- 5.- Tin rằng không có gì gọi là "thế gian này", hay
- 6.- "Thế gian tới", tức những người sanh ở đây không chấp nhận có kiếp quá khứ và những người ở đây không chấp nhận một đời sống vị lai.
- 7.- Tin rằng không có "mẹ", hay "cha". Hai câu này ngụ ý rằng đối xử với cha mẹ như thế nào cũng không đem lại hậu quả gì.
- 9.- Tin rằng không có chúng sanh chết và tái sanh.
- 10.- Tin rằng không có những bậc tu sĩ xa lánh chốn phồn hoa đô hội, tìm nơi vắng vẻ

để hành thiện và những bậc thiện trí thức, đức độ cao cả, đạo hạnh trang nghiêm đã chứng đạt Đạo Quả (ám chỉ chư Phật và chư vị A La Hán).

Nghiệp Làm Tạo Quả Trở Sinh Trong Lục Giới

Có 10 loại hành động tốt tạo nghiệp lành (kusalakamma) trở quả trong Dục Giới là:

- 1.- Bố thí (dana) hay là lòng quảng đại rộng rãi;
- 2.- Trì Giới (sila);
- 3.- Tham thiền (bhavana);
- 4.- Lễ bái (apacayana), biết trọng người đáng kính;
- 5.- Phục vụ (veyyavacca);
- 6.- Hồi hướng phước báu (pattidana);
- 7.- Hoan hỷ với phước báu của người khác (anumodana), tâm Hỷ;
- 8.- Nghe Pháp (dhamma savana);
- 9.- Hoảng Pháp (dhamma desana); và
- 10.- Cùng cố chánh kiến của mình (ditthijjukamma).

Đôi khi thiện nghiệp thứ bảy được chia làm hai: "tán dương phước báu của người khác" (pasamsa) được thêm vào cùng "hoan hỷ với phước báu của người khác" (anumodana). Điểm thứ 10, chánh kiến cũng được chia làm hai là qui y Tam Bảo (tisarana) và niệm (anusatti).

Nếu tính như thế ấy thì mười thiện nghiệp trở thành mười hai.

Đức khoan dung quảng đại hay "Tâm Bố Thí" tạo quả dưới hình thức được nhiều của cải, sự nghiệp. "Trì Giới" đem lại sự tái sinh trong gia tộc quý phái và hoàn cảnh an lành hạnh phúc. "Tham Thiền" đưa đến sự tái sinh trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới và nâng đỡ, đưa hành giả đến giác ngộ và giải thoát. Quả của sự "Hồi Hướng Phước Báu" là được một đời sống sung túc, dồi dào phong phú. "Hoan Hỷ với phước báu của người khác" đem lại trạng thái an vui, bất luận trong cảnh giới nào. "Nghe Pháp" và "Hoảng Pháp" đem lại trí tuệ. "Kính Trọng Người Đáng Kính" là nhân tạo quả được có thân bằng quyến thuộc quý phái thượng lưu. "Phục Vụ" tạo quả dưới hình thức có nhiều người theo hầu hạ và giúp đỡ. "Tán Dương Hành Động của kẻ khác" đem lại hậu quả là được nhiều người khen tặng. "Quy Y Tam Bảo" sớm chấm dứt phiền não. "Niệm" đem lại hạnh phúc dưới nhiều hình thức.

Thiện Nghiệp Tạo Quả Có Thể Trở Sinh Trong Sắc Giới

Sau đây là năm tầng thiên Sắc Giới (Rupa Jhanas) [7] hoàn toàn thuộc về tâm:

- 1.- Tâm thiện của sơ thiên, gồm: tâm (vitakka), sát (vicara), phi (piti), lạc (sukha), và trụ (ekaggata).
- 2.- Tâm thiện của nhị thiên gồm: sát, phi, lạc, trụ.
- 3.- Tâm thiện của tam thiên gồm: phi, lạc, trụ.
- 4.- Tâm thiện của tứ thiên gồm: lạc và trụ, và
- 5.- Tâm thiện của ngũ thiên gồm: xả (upekkha) và trụ.

Mỗi tầng trong năm tầng thiên ấy đều là nhân tạo quả tương xứng cho hành giả thọ hưởng trong cảnh sắc giới, sau khi từ bỏ xác thân này.

Thiện Nghiệp Tạo Quả Trở Sinh Trong Vô Sắc Giới

Có bốn tầng Thiên Vô Sắc tạo quả cho hành giả thọ hưởng trong những cảnh trời Vô Sắc:

- 1.- Tâm thiện đeo níu trạng thái "không vô biên thiên" (Akasanancayatana).
- 2.- Tâm thiện đeo níu trạng thái "thức vô biên thiên" (Vinnanancayatana)

- 3.- Tâm thiện đeo níu trạng thái "vô sở hữu thiên"(Akincannacayatana).
4.- Tâm thiện đeo níu trạng thái "phi tưởng, phi phi tưởng thiên"(Nevasanna nasannayatana). [8]

-ooOoo-

Chú thích:

[1] Dictionary of Philosophy.

[2] Theo triết học Phật Giáo, không lúc nào không có một loại tâm đang đeo níu một đối tượng, vật chất hay tinh thần. Nói cách khác, tâm luôn luôn có đối tượng. Đối tượng của tâm có thể là vật chất như tiếng động, hình sắc hay tinh thần như một tư tưởng, tâm Từ chẳng hạn. Mỗi chấp tư tưởng phát sanh rồi hoại diệt và, trước khi diệt, tạo điều kiện cho chấp tư tưởng kế tiếp phát sanh. Sự tồn tại của một chấp tư tưởng như vậy nhanh đến độ giác quan của con người khó có thể ý thức được. Những nhà chú giải ghi nhận rằng trong thời gian một cái nhোáng, có hằng tỷ tỷ chấp tư tưởng phát sanh và hoại diệt.

[3] Dhammapada, Kinh Pháp Cú, câu 165.

[4] Buddhist Legends - Dhammapadatthakatha, phần 2, tr. 262.

[5] Buddhist Legends, trang 282.

[6] Theo một vài quyển sách, chính ông đã giết mẹ.

[7] Theo Vi Diệu Pháp Toát Yếu, Abhidhammatha Sangaha, Thiền Sắc Giới (Rupa Jhana) có năm tầng, nhưng sách Visuddhi Magga, Thanh Tịnh Đạo, chỉ nêu lên bốn tầng. Không có nhiều khác biệt giữa hai lối giải thích. Theo Vi Diệu Pháp, mỗi tầng Thiền (Jhana) tương ứng với một chi thiền (tâm, sát, phi, lạc, trụ). Trong sách Thanh Tịnh Đạo tành nhị thiền không còn hai chi tâm, sát nữa mà chỉ gồm ba chi thiền: phi, lạc, trụ.

[8] Để có thêm chi tiết, xem "A Manual of Abhidhamma", tác giả Narada Thera, trang 43-56.

4. Tính chất của Nghiệp

"Gieo giống nào, gặt giống nấy." -- Táp A Hàm

Chúng ta có phải gặt hái tất cả những nhân đã gieo không? Không nhất thiết phải như thế. Trong bộ Anguttara Nikaya, Tăng Nhưt A Hàm, Đức Phật dạy:

"Nếu có ai cho rằng con người phải gặt hái trọn hậu quả theo tất cả những hành động trong quá khứ thì không thể có đời sống đạo đức, và con người cũng không thể có cơ hội tận diệt phiền não: Nhưng nếu nói rằng quả phải gặt tương xứng với nhân đã gieo thì ắt có đời sống đạo đức và con người sẽ có cơ hội dập tắt phiền não." [1]

Như vậy, theo Phật Giáo có thể uốn nắn, chuyển hoá cái nghiệp, mặc dầu kinh Pháp Cú, câu 127, có dạy:

"Không phải bay lên trời cao, lặn xuống biển sâu, hay chui vào hang núi, mà ta có thể tìm được nơi nào trên thế gian này để lẩn tránh quả dữ của Nghiệp xấu."

Nếu như phải trả quả của tất cả những nghiệp đã tạo trong quá khứ thì chúng sanh ắt phải chịu vĩnh viễn sống trong đau khổ và không thể mong có ngày giải thoát.

Dầu không hoàn toàn làm chủ cái Nghiệp - vì nhân đã gieo - nhưng ta cũng không tuyệt đối phải bó tay chịu làm nô lệ. Dầu con người xấu xa dễ tiện nhất cũng có thể cố gắng trở nên trong sạch đạo đức. Chúng ta luôn luôn biến đổi và luôn luôn trở thành một cái gì mới, và cái mới ấy tùy thuộc chính ta, tùy thuộc nơi hành động của chính ta. Từng giây, từng phút ta có thể tự cải hoá, làm cho ta trở nên tốt đẹp hơn, cũng như xấu xa hơn. Dầu người tội lỗi hư hèn nhất cũng không đáng khinh. Trái lại, nên tạo cho họ một niềm tin tưởng nơi sự cố gắng cải thiện bản chất bình sanh của họ. Nên thương hại họ, biết đâu một lúc nào trong quá khứ ta cũng cùng ở trong tình trạng với hạng người hư hèn ấy và ta đã tiến bộ. Hôm nay ở một vị trí thấp kém, họ cũng có thể cố gắng theo ta và có khi tiến trôi hơn ta.

Ai biết được cái nghiệp đã tích trữ của một người khác?

Angulimala, tên sát nhân lừng danh khét tiếng một thời, đã giết chết cả ngàn anh em đồng loại, trở thành một vị A La Hán và thoát khỏi quả dữ của những hành động tàn ác ấy.

Cô Ambapali, một gái giang hồ biết hồi tâm tu hành cũng đắc Quả A La Hán.

Alavaka, dạ xoa hung tợn thường ăn thịt người, từ bỏ thói dữ và cố gắng tu tập, cũng đắc Quả Tu Đà Hườn.

Vua Asoka (A-Dục) có tiếng là hung ác bạo tàn, trở thành một đấng minh quân, đổi những trận giặc xâm lăng khốc liệt ra những chiến dịch truyền bá đạo lý cao siêu thâm diệu và giáo huấn từ bi của Đức Phật, để mưu cầu hạnh phúc cho một phần nhân loại:

"Giữa oai danh của trăm ngàn vua chúa trong lịch sử nhân loại, danh thơm cao quý vừa hùng vĩ vừa dịu dàng, vừa trong sáng vừa trầm lắng, của Hoàng Đế A Dục chói ngời rực rỡ như một vị sao tở rạng."

Đó là một vài trường hợp hiếm hoi chỉ rằng nhờ ý chí hùng dũng, con người có thể đổi hẳn tâm tánh, từ xấu ra tốt, từ dữ ra lành.

Trong một vài trường hợp khác, cũng có thể quả của một nhân yếu mà tái sanh tròn đủ, còn quả của một nhân mạnh lại được lắng dịu.

Đức Phật dạy:

"Hỡi này các Tỳ khuru, người kia không biết khép mình vào kỷ cương của thân, của đạo lý, của tâm, của trí tuệ, người kém đạo đức, kém giới hạnh và do đó, sống đau khổ.

"Dầu một hành động tầm thường của người ấy cũng đủ tạo quả đưa vào cảnh khổ.

"Hỡi này các Tỳ khuru, người nọ có nếp sống kỷ cương về phương diện vật chất cũng như về mặt tinh thần đạo đức, và trí tuệ, người đạo đức cao thượng, biết làm điều thiện và lấy tâm Từ vô lượng đối xử với tất cả mọi chúng sanh.

"Người như thế, dầu có một hành động lầm lạc tầm thường như kể trên, hành động ấy không tạo quả trong hiện tại hay trong kiếp vị lai. [2]

"Tỳ như có một người kia rót một muỗng muối vào bát nước. Này hỡi các Tỳ khuru, các thầy nghĩ như thế nào? Nước trong bát có thể trở nên mặn và khó uống không?"

- Bạch hóa Đức Thế Tôn, có.

- Tại sao?

- Bạch Đức Thế Tôn, vì nước trong bát thì ít mà cho vào một muổng muối thì phải mặn.

- Bây giờ, tỷ như người kia đổ muổng muối ấy xuống sông Hằng (Ganges), nầy hỏi các Tỷ khuru, các thầy nghĩ sao? Nước sông Hằng có vì muối ấy mà trở nên mặn và khó uống không?

- Bạch hóa Đức Thế Tôn, không?

- Tại sao?

- Bạch Đức Thế Tôn, vì sông Hằng rộng lớn, nước nhiều, chỉ bấy nhiêu muối ấy không đủ làm mặn.

- Cũng dường thế ấy, có trường hợp người kia vì phạm một lỗi nhỏ mà chịu cảnh khổ. Người khác cũng tạo một lỗi tương tự nhưng gặt quả nhẹ hơn và sau khi chết, quả kia không trở sanh nữa, dầu trở một cách nhẹ nhàng.

"Có thể có trường hợp người kia bị bỏ tù vì ăn cắp nửa xu, một xu, hay một trăm đồng xu, và cũng trong trường hợp người nọ không bị bỏ tù vì nửa xu, một xu, hay một trăm đồng xu.

"Ai bị bỏ tù vì nửa xu, một xu, hay một trăm xu?"

"Khi người ta nghèo khổ, túng thiếu, bần cùng thì dầu chỉ nửa xu, một xu, hay một trăm đồng xu cũng bị bỏ tù.

"Ai không bị bỏ tù vì nửa xu, một xu, hay một trăm đồng xu?"

"Khi người ta giàu có, dư dả, sung túc, thì không bị bỏ tù vì nửa xu, một xu, hay một trăm đồng xu.

"Cùng một thế ấy, có trường hợp người kia chỉ có một vài hành động bất thiện nhỏ nhặt mà phải lâm vào cảnh khổ cùng, và có trường hợp người nọ cũng phạm lỗi lầm y như vậy mà không phải gặt quả nào trong kiếp hiện tại. Hành động bất thiện ấy cũng không có hậu quả nhỏ nhen nào sau kiếp sống này. [3]"

Nguyên Do Vì Sao Đôi Khi Quả Trở Sinh Trái Ngược Với Nhân Đã gieo

Nhân lành tạo quả lành. Nhưng đã gieo nhân lành rồi còn hối tiếc, đã làm một việc thiện mà còn ăn năn, hối hận, thì quả trở sanh không được tương xứng với nhân.

Tích chuyện sau đây là một ví dụ:

Ngày kia Vua Pasenadi xứ Kosala đến hầu Đức Phật và bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, tại thành Savatthi (Xá Vệ) có một nhà triệu phú vừa qua đời mà không có người thừa kế. Vì lẽ ấy bao nhiêu tài sản của ông, gồm hàng trăm thoi vàng, ngoài số bạc và của cải khác, đều được bỏ xung vào kho. Bạch Đức Thế Tôn, người giàu có lúc ấy còn sanh tiền sống thật kham khổ, ăn thì chỉ cơm nát với thức ăn thừa và thiu, mặc thì chỉ dùng vài thô và chỉ gai, còn di chuyển thì chỉ có một chiếc xe cũ kỹ với con ngựa gầy."

Đức Phật dạy:

"Mặc dầu vậy, trong một tiền kiếp nhà triệu phú ấy thường để bát cúng dường đến một vị Độc Giác Phật tên là Taragasikhi. Tuy để bát cúng dường nhưng ông không bao giờ quan tâm đến công đức ấy. Ông lại có ý hối tiếc vì đã mất của, và tự nghĩ thầm: 'Phải chi ta để dành vật thực

ấy cho người ăn kẻ ở trong nhà còn hơn.' Ngoài ra, ông còn giết chết một người cháu để sang đoạt gia tài.

"Do quả lành của công đức bố thí cúng dường, ông tái sanh bảy lần trong cảnh Trời. Cũng do quả lành ấy ông tái sanh bảy lần làm triệu phú tại thành Savatthi (Xá Vệ) này. Vì ông đã hồi tiếc, nghĩ thâm rằng: 'Phải chi ta để dành vật thực ấy cho người ăn kẻ ở trong nhà còn hơn', nên mặc dầu giàu có, ông không thể toại hưởng sự nghiệp vĩ đại ấy, không dám ăn ngon, không dám mặc đẹp, luôn luôn lo sợ hết của, không dám nhờ tiền để tạo tiện nghi cho đời sống vật chất.

"Vì đã giết chết một người cháu để sang đoạt tài sản, nhà triệu phú độc ác ấy phải chịu đau đớn nhiều năm, nhiều trăm năm, trong cảnh khổ. Và cũng vì hành động ác độc ấy ông phải chịu tuyệt dòng liên tiếp trong bảy kiếp, do đó bao nhiêu tài sản của ông phải bị xung vào quốc khố. [4]"

Nhà triệu phú được một sự nghiệp vĩ đại nhờ nhân tốt đã gieo. Tuy nhiên đã gieo nhân lành mà còn hồi tiếc nên dù được sự nghiệp lớn lao, ông không được hưởng.

Duyên Hỗ Trợ và Duyên Trở Ngại

Trong sự báo ứng của nghiệp ta nên biết rằng có những năng lực hỗ trợ, nâng đỡ, tạo điều kiện, trợ duyên cho quả sớm trở sanh, và ngược lại cũng có những năng lực kiềm hãm, ngăn chặn, không cho quả trở sanh, hay nghịch duyên.

Sự sanh trưởng (gati), thời gian hay hoàn cảnh (kala), nhân cách hay tướng mạo (upadhi), và sự nỗ lực cố gắng (payoga) là những năng lực trợ duyên hay nghịch duyên, hỗ trợ hay ngăn cản quả trở sanh.

Thí dụ như người kia sanh trưởng trong một gia đình quý phái, giàu sang, hay trong hoàn cảnh an lành, sự tái sanh tốt ấy đôi khi là một năng lực ngăn chặn không cho quả dữ trở sanh.

Trái lại, người nọ sanh trưởng trong gia đình nghèo khó khốn cùng, hay trong cảnh khổ, sự tái sanh bất hạnh của người này tạo điều kiện thuận tiện cho quả dữ trở sanh.

Danh từ Phật Giáo gọi những năng lực ấy là "tái sanh thuận lợi" (gati sampatti) và "tái sanh bất thuận lợi" (gati vipatti).

Người kia, dầu không phải là hạng thông minh, mà nhờ có Nghiệp tốt, sanh trưởng trong hoàng tộc thì cũng được thiên hạ kính nể kiêng vì. Nếu cũng kém thông minh như người ấy mà sanh trong gia đình túng thiếu bản hàn thì ắt không được kính trọng như vậy.

Đức vua Dutthagamani xứ Tích Lan gieo nhân xấu vì đã gây chiến tranh chống tộc Tamil, đồng thời cũng tạo nhiều Nghiệp tốt do các công tác từ thiện có tánh cách tôn giáo và xã hội. Nhờ Nghiệp Tái Tạo tốt ấy Ngài được tái sanh vào cõi Trời. Tục truyền rằng đến thời Đức Phật Di Lạc (Metteya) ra đời, Ngài sẽ trở xuống một lần chót. Nhân bất thiện mà Ngài đã gieo không trở quả, nhờ được "tái sanh thuận lợi" trong hoàn cảnh tốt.

Trường hợp vua Ajatasattu (A-Xà-Thế) là một thí dụ khác. Phạm trọng tội giết cha, nhưng về sau ông đến gần Đức Phật và trở nên một vị minh quân có tâm đạo nhiệt thành. Vì mang trọng giết cha, ông phải tái sanh vào cảnh khổ, và do sự tái sanh bất thuận lợi ấy, bao nhiêu nhân lành ông đã gieo không đủ duyên hỗ trợ để trở quả.

Dung mạo đẹp đẽ (upadhi sampatti) hay xấu xa (upadhi vipatti) là hai yếu tố khác có thể hỗ trợ hay gây trở ngại cho sự báo ứng của Nghiệp.

Nếu nhờ Nghiệp tốt mà người kia được tái sanh thuận lợi, nhưng bất hạnh phải tật nguyên hay có tướng mạo dung nhan xấu xí thì cũng không hoàn toàn trọn hưởng phước lành của mình. Một vị hoàng tử đáng lẽ phải nối ngôi cha đê trị vì thiên hạ, nhưng nếu vị ấy tật nguyên cũng có thể đó là một trở ngại, không được lên ngôi báu.

Trái lại, diện mạo phương phi là yếu tố giúp thành công. Một đứa trẻ tuy nghèo nhưng mặt mày thông minh sáng sủa có thể làm cho người khác chú ý đến và gieo ít nhiều thiện cảm đến người khác.

Thời gian hay cơ hội thuận lợi và bất thuận lợi (kalasampatti và kalavipatti) là hai yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến sự báo ứng của Nghiệp. Thí trong một thiên tai, tất cả đều phải cùng chung chịu một số phận. Đó là điều kiện bất thuận lợi, trợ duyên cho nghiệp xấu trở sanh. Cũng có những điều kiện thuận lợi làm suy giảm năng lực hoặc ngăn chặn không cho Nghiệp xấu trở sanh.

Trong các năng lực trợ duyên và nghịch duyên, hạnh tinh tấn hay sự nỗ lực cố gắng (payoga) là quan trọng hơn tất cả. Trong sự báo ứng xưa Nghiệp, tình trạng cố gắng hay thiếu cố gắng giữ một vai trò chánh yếu. Do cố gắng trong hiện tại, ta có thể chuyển Nghiệp, tạo Nghiệp mới, hoàn cảnh mới, môi trường mới, cả một thế giới mới.

Dẫu có điều kiện thuận lợi và được trợ duyên đầy đủ mà nếu không nỗ lực cố gắng thì chẳng những ta bỏ mất cơ hội quý báu, mà có khi còn hoang phí cả sự nghiệp, vật chất hay tinh thần.

Nếu bệnh mà không tìm thầy thuốc. Nếu gặp khó khăn mà không cố gắng giải quyết, không nỗ lực để vượt qua, thì quả dữ ắt được trợ duyên đầy đủ để trở sanh. Trái lại, nếu ta tận lực cố gắng để vượt qua mọi khó khăn, luôn luôn cải thiện hoàn cảnh, tận dụng mọi khả năng mọi cơ hội hiếm có để vững vàng tiến bộ thật sự, Nghiệp tốt sẽ được trợ duyên đầy đủ để trở sanh.

Mặc dầu không hoàn toàn làm nô lệ cũng không tuyệt đối làm chủ cái Nghiệp, chắc chắn là những yếu tố trợ lực và nghịch duyên ấy cũng ảnh hưởng phần nào năng lực báo ứng của Nghiệp, do sự tái sanh, hoàn cảnh, cá tính, cố gắng cá nhân, và những yếu tố tương tự. Chính lý Nghiệp Báo đem lại cho người Phật tử sự an ủi, niềm hy vọng, chỗ nương tựa và khích lệ tinh thần để có thể đảm vững bước trên con đường tiến bộ.

Khi có việc bất chắc xảy đến, khi gặp trở ngại, khó khăn, thất bại, và hoàn cảnh bất hạnh, người Phật tử nhận định rằng mình đang gặt hái giống nào mà trước kia chính mình đã gieo, mình đang trang trải một món nợ đã vay lúc nào trong quá khứ.

Tuy nhiên, thay vì phải bó tay chịu quy hàng hoàn cảnh để cho định luật Nghiệp Báo tự nhiên diễn tiến, người Phật tử tận lực cố gắng diệt trừ, bứng tận gốc rễ giống cỏ xấu, và gieo trồng những giống tốt. Tương lai hoàn toàn nằm trong tay ta.

Người tin tưởng lý Nghiệp Báo không khi nào lên án kẻ hư hèn tội lỗi bởi vì mọi người đều có khả năng và cơ hội để tự cải thiện bất cứ lúc nào. Người kia đau phải chịu đau khổ trong hiện tại nhưng vẫn có hy vọng như mọi người, rằng trong một ngày tươi đẹp nào, chính mình cũng có thể đạt Đạo Quả cao thượng, an vui hạnh phúc vĩnh cửu trường tồn. Ta tạo địa ngục cho ta, do chính hành động của ta. Cũng do hành động của chính ta, ta tạo thiên đàng cho ta.

Một người Phật tử thuần thành và hiểu biết chắc chắn định luật Nghiệp Báo không khi nào van vái cầu xin được cứu rỗi. Trái lại, đặt trọn niềm tin nơi chính mình, nơi hạnh tinh tấn của mình, để được giải thoát. Thay vì bó tay đầu hàng hay vuốt ve tăng bốc một thần lực siêu nhân nào, người Phật tử đặt trọn niềm tin mình trên ý trí của mình, và không ngừng hoạt động để tạo an lành cho tất cả.

Niềm tin vững chắc nơi Nghiệp Báo "nâng cao giá trị của hạnh tinh tấn và kích thích lòng nhiệt thành", bởi vì lý Nghiệp Báo dạy mỗi người phải lãnh lấy trách nhiệm của mình.

Đối với người Phật tử sơ cơ, định luật Nghiệp Báo là một điều răn. Với hạng người trí thức, Nghiệp Báo là một khích lệ.

Luật Nhân Quả giải thích vấn đề đau khổ, giải thích tình trạng bí ẩn của cái được gọi là Số Mạng và Tiền Định của một vài tôn giáo và, trên hết, giải thích hoàn cảnh chênh lệch giữa loài người, giữa chúng sanh.

Chúng ta là vị kiến trúc sư xây đắp số phận của chúng ta. Chính ta tạo ra hay tiêu diệt ta. Chính ta tạo thiên đàng cho ta và cũng chính ta tạo địa ngục cho ta.

Những gì ta nghĩ, nói, và làm, là của ta. Chính tư tưởng, lời nói và hành động là Nghiệp. Và Nghiệp đưa ta lên hay xuống từ kiếp này sang kiếp khác, mãi mãi trong vòng luân hồi.

Đức Phật dạy:

"Phước và tội mà con người tạo ra là những gì mà con người làm chủ, những gì đưa con người đi, từ nơi này..."

Là những gì bên gót chạy theo con người như bóng theo hình.

Vậy, từ đây con người hãy tích trữ cái tốt để đem đi nơi khác, trong tương lai.

Hãy tạo một nền tảng vững chắc cho thế gian ngày mai." [5]

-ooOoo-

Chú thích:

[1] Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, phần 1, trang 249. Xem Warren, "Buddhism in Translations", trang 218.

[2] Đức Phật muốn ám chỉ các vị A La Hán.

[3] Aguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, phần 1, trang 249, Xem Warren, "Buddhism in Translations", trang 218.

[4] Samyutta Nikaya, Tạp A Hàm, phần i, trang 91. Xem Warren, "Buddhism in Translations", trang 296; và Grimm, "The Doctrine of the Buddha", trang 248.

[5] Kindred Sayings, phần i, trang 98.

-ooOoo-

[Dầu trang](#) | [Phần I](#) | **Phần II**

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 09-2002).

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

updated: 18-09-2002